

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (tách Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị;

Căn cứ Thông báo kết luận ngày 10/8/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường về việc thông qua các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học (sửa đổi, bổ sung);

Xét nhu cầu công tác, năng lực cán bộ và theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 3 chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hình thức chính quy (sửa đổi, bổ sung) với phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, bao gồm:

1. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật, gồm các định hướng:

a) Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế;

b) Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật hành chính - tư pháp;

c) Luật, tăng cường tiếng Pháp;

d) Luật, tăng cường tiếng Nhật.

2. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật.

3. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh;

Điều 2. Các chương trình đào tạo được nêu tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Đào tạo, Công tác sinh viên, Tài chính - Kế toán; Trung tâm Quản lý Đào tạo chất lượng cao và Đào tạo quốc tế; trưởng các khoa, đơn vị có liên quan và sinh viên theo học các chương trình đào tạo nêu tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Văn thư, Đào tạo.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Trình độ đại học hình thức chính quy ngành Luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 617/QĐ-ĐHL ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

Trình độ giáo dục, đào tạo	: Đại học;
Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	: Pháp luật;
Nhóm ngành giáo dục, đào tạo	: Luật;
Ngành và mã số ngành đào tạo	: Luật; mã ngành: 7380101;
Tên chương trình đào tạo	: Chương trình đào tạo chất lượng cao, gồm các định hướng:
	- Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật Thương mại - Luật Dân sự - Luật Quốc tế;
	- Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật Hành chính - Tư pháp;
	- Luật, tăng cường tiếng Pháp;
	- Luật, tăng cường tiếng Nhật.
Hình thức đào tạo	: Chính quy.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật (gồm các định hướng: Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế; Luật hành chính - tư pháp; tăng cường tiếng Pháp và tăng cường Tiếng Nhật) của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu hướng đến đào tạo đội ngũ cử nhân luật có phẩm chất chính trị, có đạo đức, tri thức nghề nghiệp vững vàng, có kỹ năng thực hành tốt để có thể làm việc trong lĩnh vực hành chính nhà nước, tư pháp, hỗ trợ tư pháp, chính trị, xã hội; có khả năng làm việc tích cực, có trình độ ngoại ngữ tốt để từng bước tham gia thị trường lao động toàn cầu, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật sẽ trang bị cho người học với các mục tiêu cụ thể (Program Objective - viết tắt là **PO**) như sau:

PO1 (kiến thức). Có kiến thức chuyên môn vững vàng và nâng cao ở một số nhóm chuyên ngành luật; có trình độ ngoại ngữ tốt (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật) để tiếp tục học tập, thực hành pháp luật ở trình độ cao hơn;

PO2 (kiến thức). Có khả năng phân tích, đánh giá, giải quyết đúng các vấn đề pháp lý;

PO3 (kỹ năng). Có kỹ năng thuyết trình nhằm đáp ứng những yêu cầu khác nhau của thực tiễn thực hành pháp luật cũng như nghiên cứu và học tập suốt đời;

PO4 (kỹ năng). Có kỹ năng trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro và giải quyết các vấn đề pháp lý;

PO5 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có khả năng tư duy độc lập; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc;

PO6 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ cộng đồng.

2. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

2.1. Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật:

a) Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế: có khối lượng học tập là **123 tín chỉ** (trong đó có 23 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 100 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

b) Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật hành chính - tư pháp: có khối lượng học tập là **125 tín chỉ** (trong đó có 23 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 102 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

c) Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Pháp: có khối lượng học tập là **166 tín chỉ** (trong đó có 13 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, 48 tín chỉ tiếng Pháp phổ thông, 10 tín chỉ tiếng Pháp pháp lý và 95 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với 3 tín chỉ Giáo dục thể chất; 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

d) Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Nhật: có khối lượng học tập là **166 tín chỉ** (trong đó có 13 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, 40 tín chỉ tiếng Nhật cơ bản, 16 tín chỉ tiếng Nhật nâng cao, 4 tín chỉ tiếng Nhật ứng dụng và 93 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với 3 tín chỉ Giáo dục thể chất; 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành.

2.2. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 (bốn) năm và được triển khai trong 8 (tám) học kỳ.

2.3. Khối lượng học tập: Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức như sau:

a) Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	23
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	9
	- Học phần bắt buộc	9
	- Học phần tự chọn	0
	b) Kiến thức ngành	81
	- Học phần bắt buộc	69
	+ Giảng bằng tiếng Việt	55
	+ Giảng bằng tiếng Anh	14
	- Học phần tự chọn	12
	+ Giảng bằng tiếng Việt	6/13
	+ Giảng bằng tiếng Anh	6/8

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	3
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	123

b) Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật hành chính - tư pháp:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	23
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	102
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	9
	- Học phần bắt buộc	9
	- Học phần tự chọn	0
	b) Kiến thức ngành	83
	- Học phần bắt buộc	77
	+ Giảng bằng tiếng Việt	59
	+ Giảng bằng tiếng Anh	18
	- Học phần tự chọn	6
	+ Giảng bằng tiếng Việt	6/12
	+ Giảng bằng tiếng Anh	0
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	3
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	125

c) Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Pháp:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất; 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	71
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	9
	- Học phần bắt buộc	9
	- Học phần tự chọn	0
	b) Kiến thức ngành	78
	- Học phần bắt buộc	64
	+ Giảng bằng tiếng Việt	50
	+ Giảng bằng tiếng Pháp	14
	- Học phần tự chọn	14
	+ Giảng bằng tiếng Việt	8/19
	+ Giảng bằng tiếng Pháp	6/8
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	1
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	166

d) Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Nhật:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất; 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	73
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	21
	- Học phần bắt buộc	21
	- Học phần tự chọn	0
	b) Kiến thức ngành	63
	- Học phần bắt buộc	59
	+ Giảng bằng tiếng Việt	53
	+ Giảng bằng tiếng Nhật	6
	- Học phần tự chọn	4
	+ Giảng bằng tiếng Việt	4/8
	+ Giảng bằng tiếng Nhật	0
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	2
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	166

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật

3.1. Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế: 123 tín chỉ.

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 23 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
7.	Tiếng Anh ((theo chương trình TOEIC quốc tế)	10	Phòng Đào tạo
8.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
9.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	23	

3.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 100 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 9 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Xã hội học pháp luật	1	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật Hành chính
5.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	Khoa Luật Hành chính
	Cộng:	9	

b) Kiến thức ngành: 81 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 69 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 55 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
3.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa Luật Hành chính
4.	Luật Hình sự phân chung	3	Khoa Luật Hình sự
5.	Luật Hình sự phân các tội phạm	2	Khoa Luật Hình sự
6.	Luật Tổ tụng hình sự	2	Khoa Luật Hình sự
7.	Những quy định chung về Luật dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	3	Khoa Luật Dân sự
8.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật Dân sự
9.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật Dân sự
10.	Luật Tổ tụng dân sự	3	Khoa Luật Dân sự
11.	Luật Hôn nhân và Gia đình	1	Khoa Luật Dân sự
12.	Luật Lao động	3	Khoa Luật Dân sự
13.	Kỹ năng thực hành pháp luật	2	Khoa Luật Dân sự
14.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật Thương mại
15.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật Thương mại
16.	Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án	1	Khoa Luật Thương mại
17.	Luật Cạnh tranh	1	Khoa Luật Thương mại
18.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
19.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật Thương mại
20.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật Thương mại
21.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật Thương mại
22.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
23.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
24.	Luật thương mại quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		55	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: 14 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Law of Contract (Luật hợp đồng)	2	Khoa Luật Thương mại (mời giảng viên Khoa Luật Dân sự + Quốc tế)
2.	Corporation Law (Luật công ty)	2	Khoa Luật Thương mại
3.	Legal Reasoning and Legal Methodology (Lập luận pháp lý và Phương pháp nghiên cứu)	2	Khoa Luật Hành chính (mời giảng viên Khoa Luật Hình sự+Quốc tế)
4.	WTO Law (Luật WTO)	2	Khoa Luật Quốc tế
5.	Comparative Law (Luật so sánh)	2	Khoa Luật Quốc tế
6.	Law of the Sea (Luật biển)	2	Khoa Luật Quốc tế
7.	Juvenile Criminal Justice (Tư pháp hình sự người chưa thành niên)	2	Khoa Luật Hình sự
Cộng:		14	

(ii) Học phần tự chọn: 12 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: chọn 6/13 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật chứng khoán	1	Khoa Luật Thương mại
2.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	1	Khoa Luật Thương mại
3.	Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
4.	Pháp luật về chuyển giao công nghệ quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
5.	Pháp luật thương mại ASEAN	2	Khoa Luật Quốc tế
6.	Luật Thi hành án dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
7.	Giao dịch dân sự về nhà ở	1	Khoa Luật Dân sự
8.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	1	Khoa Luật Dân sự
9.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Khoa Quản trị
Cộng:		6/13	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: chọn 6/8 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	US and EU Competition Law (Luật cạnh tranh Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu)	2	Khoa Luật Thương mại
2.	Tort Law (Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng)	2	Khoa Luật Thương mại
3.	Contract of International Sales of Goods (Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế)	2	Khoa Luật Quốc tế
4.	Customary Law and Precedents (Tập quán pháp và Tiền lệ pháp)	2	Khoa Luật Hành chính (mời giảng viên Khoa Luật Quốc tế)
Cộng:		6/8	

c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 3 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	3	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		3	

d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Các Khoa
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Các Khoa
	- Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
	- Kỹ năng làm việc tại doanh nghiệp	1	Khoa Luật Thương mại
	- Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
- Kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế	1	Khoa Luật Quốc tế	
Cộng:		7	

3.2. Đối với ngành Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật hành chính - tư pháp: 125 tín chỉ.

3.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 23 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
7.	Tiếng Anh ((theo chương trình TOEIC quốc tế)	10	Phòng Đào tạo
8.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
9.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
Cộng:		23	

3.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 102 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 9 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Xã hội học pháp luật	1	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật Hành chính
5.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	Khoa Luật Hành chính
Cộng:		9	

b) Kiến thức ngành: 83 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 77 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 59 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
3.	Luật Tố tụng hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
4.	Pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	2	Khoa Luật Hành chính
5.	Luật Hình sự phần chung	4	Khoa Luật Hình sự
6.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa Luật Hình sự
7.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa Luật Hình sự
8.	Tội phạm học	2	Khoa Luật Hình sự
9.	Những quy định chung về Luật dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	3	Khoa Luật Dân sự
10.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật Dân sự
11.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật Dân sự
12.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa Luật Dân sự
13.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa Luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
14.	Luật Lao động	3	Khoa Luật Dân sự
15.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật Thương mại
16.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật Thương mại
17.	Luật Cạnh tranh	1	Khoa Luật Thương mại
18.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
19.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật Thương mại
20.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật Thương mại
21.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật Thương mại
22.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
23.	Tư pháp quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
24.	Luật thương mại quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		59	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: 18 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Comparative Criminal Law (Luật hình sự so sánh)	2	Khoa Luật Hình sự
2.	Juvenile Criminal Justice (Tư pháp hình sự người chưa thành niên)	2	Khoa Luật Hình sự
3.	Victimology (Nạn nhân học)	2	Khoa Luật Hình sự
4.	Legal Reasoning and Legal Methodology (Lập luận pháp lý và Phương pháp nghiên cứu)	2	Khoa Luật Hành chính (mời giảng viên Khoa Luật Hình sự+Quốc tế)
5.	Human rights and citizens' rights (Quyền con người và quyền công dân)	2	Khoa Luật Hành chính
6.	Customary Law and Precedent (Tập quán pháp và tiền lệ pháp)	2	Khoa Luật Hành chính (mời giảng viên Khoa Luật Quốc tế)
7.	Comparative Tort Law (Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng so sánh)	2	Khoa Luật Dân sự
8.	Comparative Intellectual property law (Luật sở hữu trí tuệ so sánh)	2	Khoa Luật Dân sự
9.	Alternative Dispute Resolution In Civil Cases (Phương thức giải quyết tranh chấp dân sự ngoài tòa án)	2	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		18	

(ii) Học phần tự chọn (giảng bằng tiếng Việt): chọn 6/12 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Khoa Luật Hành chính
2.	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa Luật Hành chính
3.	Tâm lý học tư pháp	2	Khoa Luật Hình sự
4.	Lý luận định tội	2	Khoa Luật Hình sự
5.	Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa Luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
6.	Hợp đồng dân sự thông dụng và Giao dịch dân sự về nhà ở	2	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		6/12	

c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 3 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	3	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		3	

d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Các Khoa
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Các Khoa
	- Kỹ năng thực hành pháp luật	2	Khoa Luật Dân sự
	- Kỹ năng tranh tụng trong tố tụng hình sự	1	Khoa Luật Hình sự
	- Kỹ năng giải quyết khiếu nại hành chính	1	Khoa Luật Hành chính
	- Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		7	

3.3. Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Pháp: 166 tín chỉ.

3.3.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 71 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
7.	Tiếng Pháp pháp lý (4 học phần)	10	TT Quản lý ĐT CLC
8.	Tiếng Pháp phổ thông (học phần điều kiện)	48	TT Quản lý ĐT CLC
9.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
10.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
Cộng:		71	

3.3.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 9 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Xã hội học pháp luật	1	Khoa Khoa học cơ bản

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật Hành chính
5.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	Khoa Luật Hành chính
Cộng:		9	

b) Kiến thức ngành: 78 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 64 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 50 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
3.	Luật Tố tụng hành chính	2	Khoa Luật Hành chính
4.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa Luật Hình sự
5.	Luật Hình sự phần các tội phạm	2	Khoa Luật Hình sự
6.	Luật Tố tụng hình sự	2	Khoa Luật Hình sự
7.	Những quy định chung về Luật dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	3	Khoa Luật Dân sự
8.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật Dân sự
9.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa Luật Dân sự
10.	Luật Hôn nhân và Gia đình	1	Khoa Luật Dân sự
11.	Luật Lao động	3	Khoa Luật Dân sự
12.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật Thương mại
13.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật Thương mại
14.	Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án	1	Khoa Luật Thương mại
15.	Luật Cạnh tranh	1	Khoa Luật Thương mại
16.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
17.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật Thương mại
18.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật Thương mại
19.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật Thương mại
20.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
21.	Luật thương mại quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
22.	Kỹ năng thực hành pháp luật	2	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		50	

❖ Giảng bằng tiếng Pháp: 14 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Responsabilité délictuelle (Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng)	2	Khoa Luật Dân sự
2.	Droit de propriété intellectuelle (Luật Sở hữu trí tuệ)	2	Khoa Luật Dân sự
3.	Droit de l'Organisation Mondiale du Commerce (Luật WTO)	2	Khoa Luật Quốc tế
4.	Contrat de Vente des marchandises internationaux (Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế)	1	Khoa Luật Quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
5.	Droit international privé (Tu pháp quốc tế)	3	Khoa Luật Quốc tế
6.	Droit international privé compare (Tu pháp quốc tế so sánh Việt Nam và Pháp)	2	Khoa Luật Quốc tế
7.	Introduction au système de droit Romano - germanique et au droit français (Hệ thống pháp luật châu Âu lục địa và pháp luật của Pháp)	2	Phòng HTQT điều phối
Cộng:		14	

(ii) Học phần tự chọn: 14 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: chọn 8/19 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Khoa Quản trị
2.	Luật Thi hành án dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
3.	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	Khoa Luật Dân sự
4.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa Luật Thương mại
5.	Kỹ năng hành nghề tư vấn pháp luật	2	Khoa Luật Thương mại
6.	Luật biển	2	Khoa Luật Quốc tế
7.	Pháp luật về chuyển giao công nghệ quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
8.	Pháp luật thương mại ASEAN	2	Khoa Luật Quốc tế
9.	Pháp luật về thanh toán quốc tế	1	Khoa Luật Quốc tế
10.	Luật quốc tế về sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật Quốc tế
11.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	1	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		8/19	

❖ Giảng bằng tiếng Pháp: chọn 6/8 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Droit de l'arbitrage Vietnamien (Trọng tài thương mại Việt Nam)	2	Khoa Luật Dân sự
2.	Coutume du commerce international (Tập quán thương mại quốc tế)	2	Khoa Luật Quốc tế
3.	Droit de la famille et des enfants (Luật Hôn nhân gia đình và trẻ em)	2	Phòng HTQT điều phối
4.	Droit du contrat français (Luật Hợp đồng của Pháp)	2	Phòng HTQT điều phối
Cộng:		6/8	

c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 1 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	1	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		1	

d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Các Khoa
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Các Khoa
	- Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
	- Kỹ năng làm việc tại doanh nghiệp	1	Khoa Luật Thương mại
	- Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
	- Kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế	1	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		7	

3.4. Đối với ngành Luật, định hướng tăng cường tiếng Nhật: 166 tín chỉ.

3.4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 73 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
7.	Tiếng Nhật ứng dụng (5 học phần)	10	Khoa Ngoại ngữ p/lý
8.	Tiếng Nhật phổ thông (học phần điều kiện; kiến thức cơ bản: 16 học phần, nâng cao: 8 học phần)	50	Khoa Ngoại ngữ p/lý
9.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
10.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
Cộng:		73	

3.4.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 21 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	1	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Xã hội học pháp luật	1	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật Hành chính
5.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	Khoa Luật Hành chính
6.	法学日本語1 (Tiếng Nhật pháp lý 1)	3	Khoa Ngoại ngữ p/lý
7.	法学日本語2 (Tiếng Nhật pháp lý 2)	3	Khoa Ngoại ngữ p/lý
8.	法学日本語3 (Tiếng Nhật pháp lý 3)	3	Khoa Ngoại ngữ p/lý
9.	法学日本語4 (Tiếng Nhật pháp lý 4)	3	Khoa Ngoại ngữ p/lý
Cộng:		21	

b) Kiến thức ngành: 63 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 59 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 53 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa Luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
3.	Luật Tố tụng hành chính	2	Khoa Luật Hành chính
4.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa Luật Hình sự
5.	Luật Hình sự phần các tội phạm	2	Khoa Luật Hình sự
6.	Luật Tố tụng hình sự	2	Khoa Luật Hình sự
7.	Những quy định chung về Luật dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	3	Khoa Luật Dân sự
8.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật Dân sự
9.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật Dân sự
10.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa Luật Dân sự
11.	Luật Hôn nhân và Gia đình	1	Khoa Luật Dân sự
12.	Luật Lao động	3	Khoa Luật Dân sự
13.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật Thương mại
14.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật Thương mại
15.	Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án	1	Khoa Luật Thương mại
16.	Luật Cạnh tranh	1	Khoa Luật Thương mại
17.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
18.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật Thương mại
19.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật Thương mại
20.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật Thương mại
21.	Công pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
22.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
23.	Luật thương mại quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		53	

❖ Giảng bằng tiếng Nhật: 6 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Nhật Bản 1 (Tổng quan về hệ thống pháp luật Nhật Bản)	2	Khoa Ngoại ngữ p/lý
2.	Luật Nhật Bản 2 (Nhập môn Hiến pháp và quy trình ban hành văn bản luật ở Nhật Bản)	2	Khoa Ngoại ngữ p/lý
3.	Luật Nhật Bản 3 (Nhập môn pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, lợi ích bất chính và quản lý sự vụ)	2	Khoa Ngoại ngữ p/lý
Cộng:		6	

(ii) Học phần tự chọn (giảng bằng tiếng Việt): chọn 4/8 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Khoa Quản trị
2.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa Luật Thương mại

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Luật biển	2	Khoa Luật Quốc tế
4.	Kỹ năng thực hành pháp luật	2	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		4/8	

c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 2 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	2	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		2	

d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Các Khoa
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Các Khoa
	- Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
	- Kỹ năng làm việc tại doanh nghiệp	1	Khoa Luật Thương mại
	- Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự	1	Khoa Luật Dân sự
	- Kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế	1	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		7	

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hình thức chính quy ngành Luật (gồm các định hướng: Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế; Luật hành chính - tư pháp; tăng cường tiếng Pháp và tăng cường Tiếng Nhật), sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là PLO) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/trách nhiệm như sau:

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (6):

PLO1. Có kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị để tiếp thu kiến thức về khoa học pháp lý;

PLO2. Có kiến thức chuyên môn nền tảng và kiến thức nâng cao về các lĩnh vực của khoa học pháp lý Việt Nam;

PLO3. Có kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch và tổ chức các quá trình trong một lĩnh vực chuyên môn, hoạt động pháp lý cụ thể;

PLO4. Có kiến thức vững vàng về quản lý hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật.

Ngoài ra, đối với từng định hướng, sinh viên còn đạt được:

a) Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật thương mại - Luật dân sự - Luật quốc tế:

PLO5. Có kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, so sánh, đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong lĩnh vực pháp luật dân sự và kinh doanh thương mại của Việt Nam và của các quốc gia thuộc hệ thống thông luật;

PLO6. Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế tương đương bậc 4/6 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

b) Luật, tăng cường tiếng Anh, định hướng Luật hành chính - tư pháp:

PLO5. Có kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, so sánh, đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong pháp luật hành chính, tư pháp và hỗ trợ tư pháp của Việt Nam và của các quốc gia thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa;

PLO6. Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế tương đương bậc 4/6 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

c) Luật, định hướng tăng cường tiếng Pháp:

PLO5. Có kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, đối chiếu, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam và hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, điển hình là Cộng hòa Pháp;

PLO6. Có trình độ tiếng Pháp theo chương trình DELF đạt bậc trung cấp; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

d) Luật, định hướng tăng cường tiếng Nhật:

PLO5. Có kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, đối chiếu, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam và của Nhật bản;

PLO6. Có trình độ tiếng Nhật theo chương trình JLPT đạt bậc trung cấp của Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (5):

PLO7. Có năng lực nghiên cứu, phân tích và vận dụng các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết những vấn đề cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ;

PLO8. Có kỹ năng tư duy, tóm tắt được vấn đề pháp lý; có kỹ năng phản biện đối với các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật trong các môi trường làm việc khác nhau;

PLO9. Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;

PLO10. Có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho người khác;

PLO11. Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới.



4.3. Chuẩn đầu ra về thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm (4):

PLO12. Có ý thức thượng tôn và chấp hành pháp luật; có ý thức bảo vệ công lý, tham gia phục vụ lợi ích của cộng đồng và xã hội;

PLO13. Có ý thức giữ gìn đạo đức tốt và chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật tốt;

PLO14. Có đủ sức khỏe để làm việc; có khả năng tư duy độc lập; có tinh thần sẵn sàng đối diện thách thức, chịu áp lực trong các môi trường làm việc khác nhau;

PLO15. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân khi giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG**Trần Hoàng Hải**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Trình độ đại học hình thức chính quy ngành Quản trị - Luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 617/QĐ-ĐHL ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

Trình độ giáo dục, đào tạo	: Đại học;
Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	: Kinh doanh và quản lý;
Nhóm ngành giáo dục, đào tạo	: Quản trị - Quản lý;
Ngành và mã số ngành đào tạo	: Quản trị - Luật; mã ngành: 7340402;
Tên chương trình đào tạo	: Chương trình đào tạo chất lượng cao;
Hình thức đào tạo	: Chính quy.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu đào tạo đội ngũ cử nhân quản trị kinh doanh và cử nhân luật:

(i) Có phẩm chất chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân, có đạo đức, tri thức nghề nghiệp vững vàng;

(ii) Nắm vững kiến thức chung về pháp luật và am hiểu thêm nhiều lĩnh vực pháp luật của các nước có hệ thống pháp luật phát triển trên thế giới; nắm vững những kiến thức mới về quản trị kinh doanh ở các quốc gia phát triển và có thể vận dụng vào thực tiễn;

(iii) Có kỹ năng vận dụng kiến thức và thực hành thành thạo trong lĩnh vực kinh tế, quản trị doanh nghiệp và lĩnh vực pháp luật;

(iv) Có trình độ tiếng Anh tốt để từng bước tham gia thị trường lao động toàn cầu, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật sẽ trang bị cho người học với các mục tiêu cụ thể (Program Objective - viết tắt là **PO**) như sau:

PO1 (kiến thức). Có kiến thức cơ bản và nâng cao về lĩnh vực quản trị kinh doanh và pháp luật; có trình độ tiếng Anh tốt để tiếp tục học tập, nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp ở trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

PO2 (kiến thức). Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề và ra quyết định trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp;

PO3 (kỹ năng). Có kỹ năng mềm, tư duy phản biện và sự chuyên nghiệp khi làm việc độc lập và làm việc nhóm;

PO4 (kỹ năng). Có khả năng vận dụng thành thạo các công cụ kinh tế và kiến thức pháp lý vào việc quản trị doanh nghiệp, kinh doanh;;



PO5 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có năng lực nghiên cứu, học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; có đủ sức khỏe và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc;

PO6 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ cộng đồng.

2. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

2.1. Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật là **179 tín chỉ** (trong đó có 30 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 149 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

2.2. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị - Luật có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 5 (năm) năm và được triển khai trong 10 (mười) học kỳ.

2.3. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức như sau:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	30
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	149
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	24
	b) Kiến thức ngành	114
	- Học phần bắt buộc	94
	+ Giảng bằng tiếng Việt	72
	+ Giảng bằng tiếng Anh	22
	- Học phần tự chọn	20
	+ Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh	12
	o Giảng bằng tiếng Việt	8/10
	o Giảng bằng tiếng Anh	4/6
	+ Kiến thức ngành Luật	8
	o Giảng bằng tiếng Việt	4/10
	o Giảng bằng tiếng Anh	4/6
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	4
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	179

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị - Luật

3.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: **30 tín chỉ**, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Toán cao cấp	2	Khoa Quản trị

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
7.	Toán kinh tế	2	Khoa Quản trị
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Khoa Quản trị
9.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
10.	Tiếng Anh ((theo chương trình TOEIC quốc tế)	10	Phòng Đào tạo
11.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
12.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
Cộng:		30	

3.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 149 tín chỉ, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 24 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị
3.	Marketing căn bản	2	Khoa Quản trị
4.	Nguyên lý kế toán	2	Khoa Quản trị
5.	Kinh tế lượng	3	Khoa Quản trị
6.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	Khoa Quản trị
7.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
8.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
9.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật Hành chính
10.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	Khoa Luật Hành chính
Cộng:		24	

b) Kiến thức ngành: 114 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 94 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 72 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị chiến lược	3	Khoa Quản trị
3.	Quản trị tài chính	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị nhân sự	3	Khoa Quản trị
5.	Kế toán quản trị	2	Khoa Quản trị
6.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Khoa Quản trị
7.	Hệ thống thông tin quản lý	2	Khoa Quản trị
8.	Quản trị chất lượng	2	Khoa Quản trị
9.	Quản trị Marketing	3	Khoa Quản trị
10.	Quản trị sản xuất	3	Khoa Quản trị
11.	Quản trị dự án	2	Khoa Quản trị
12.	Luật Hiến pháp	2	Khoa Luật Hành chính
13.	Luật Hành chính	3	Khoa Luật Hành chính
14.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa Luật Hành chính
15.	Những quy định chung về Luật dân sự, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	3	Khoa Luật Dân sự
16.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
17.	Luật Hôn nhân và Gia đình	1	Khoa Luật Dân sự
18.	Luật Lao động	2	Khoa Luật Dân sự
19.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa Luật Dân sự
20.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa Luật Dân sự
21.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật Thương mại
22.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật Thương mại
23.	Luật Cạnh tranh	1	Khoa Luật Thương mại
24.	Luật Ngân hàng	2	Khoa Luật Thương mại
25.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
26.	Luật Đất đai	2	Khoa Luật Thương mại
27.	Luật Môi trường	2	Khoa Luật Thương mại
28.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa Luật Hình sự
29.	Luật Hình sự phần các tội phạm	2	Khoa Luật Hình sự
30.	Luật Tố tụng hình sự	2	Khoa Luật Hình sự
31.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		72	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: 22 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Sales Management (Quản lý bán hàng)	2	Khoa Quản trị
2.	Risk Management (Quản trị rủi ro)	2	Khoa Quản trị
3.	Public Relations (Quan hệ công chúng)	2	Khoa Quản trị
4.	Legal Reasoning and Legal Methodology (Lập luận pháp lý và Phương pháp nghiên cứu)	2	Khoa Luật Hành chính (mời giảng viên Khoa Luật Hình sự và Quốc tế)
5.	Law of Contract (Luật hợp đồng)	2	Khoa Luật Thương mại
6.	Corporation Law (Luật công ty)	2	Khoa Luật Thương mại
7.	Comparative Law (Luật so sánh)	2	Khoa Luật Quốc tế
8.	Public International Law (Công pháp quốc tế)	3	Khoa Luật Quốc tế
9.	International Trade Law (Luật thương mại quốc tế)	3	Khoa Luật Quốc tế
10.	Juvenile Criminal Justice (Tư pháp hình sự người chưa thành niên)	2	Khoa Luật Hình sự
Cộng:		22	

(ii) Học phần tự chọn: chọn 20 tín chỉ, trong đó:

❖ Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh: chọn 12 tín chỉ, bao gồm:

- Giảng bằng tiếng Việt: chọn 8/10 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Nghệ thuật lãnh đạo	2	Khoa Quản trị
2.	Văn hóa doanh nghiệp	2	Khoa Quản trị
3.	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Khoa Quản trị
4.	Thanh toán quốc tế	2	Khoa Quản trị
5.	Thị trường chứng khoán	2	Khoa Quản trị
Cộng:		8/10	

- Giảng bằng tiếng Anh: chọn 4/6 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Brand management (Quản lý thương hiệu)	2	Khoa Quản trị
2.	Consumer behaviour (Hành vi người tiêu dùng)	2	Khoa Quản trị
3.	Business statistics (Thống kê kinh doanh)	2	Khoa Quản trị
Cộng:		4/6	

- ❖ Kiến thức ngành Luật: chọn 8 tín chỉ, bao gồm:

- Giảng bằng tiếng Việt: chọn 4/10 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa Luật Thương mại
2.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	1	Khoa Luật Thương mại
3.	Giao dịch dân sự về nhà ở	1	Khoa Luật Dân sự
4.	Luật biển	2	Khoa Luật Quốc tế
5.	Pháp luật thương mại ASEAN	2	Khoa Luật Quốc tế
6.	Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		4/10	

- Giảng bằng tiếng Anh: chọn 4/6 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	US and EU Competition Law (Luật cạnh tranh Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu)	2	Khoa Thương mại
2.	Tort Law (Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng)	2	Khoa Thương mại
3.	Contract of International Sales of Goods (Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế)	2	Khoa Quốc tế
Cộng:		4/6	

- c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 4 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	4	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		4	

- d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Khoa Quản trị + Các Khoa Luật
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	3	Khoa Quản trị
	- Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2	Khoa Luật Dân sự
	- Kỹ năng thực hành pháp luật	2	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		7	

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị - Luật

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hình thức chính quy ngành Quản trị - Luật, sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là **PLO**) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/ trách nhiệm như sau:

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (6):

PLO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị để tiếp thu kiến thức về khoa học kinh tế và pháp lý;

PLO2. Có kiến thức chuyên môn nền tảng và kiến thức nâng cao về khoa học quản trị, kinh doanh, khởi nghiệp; nắm vững và am hiểu kiến thức pháp luật Việt Nam và pháp luật của một số nước phát triển trên thế giới;

PLO3. Phân tích có hiệu quả những nội dung cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; pháp luật trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, kinh doanh; đánh giá và cải tiến để đạt được hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

PLO4. Hình thành ý tưởng kinh doanh, xây dựng các dự án khởi nghiệp trong hoạt động nghề luật và quản trị hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;

PLO5. Có kiến thức chuyên môn về kinh tế và pháp luật để nghiên cứu, so sánh, phân tích, đánh giá và ra quyết định về các vấn đề liên quan đến xây dựng chiến lược kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

PLO6. Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế tương đương bậc 4/6 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (5):

PLO7. Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và pháp lý;

PLO8. Có năng lực ra quyết định trong các vấn đề kinh doanh, kinh tế quốc tế và điều hành doanh nghiệp;

PLO9. Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa;

PLO10. Có năng lực linh hoạt nhanh các nội dung nâng cao thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý hoạt động kinh doanh; và lĩnh vực hoạt động hành nghề luật;

PLO11. Có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới.

4.3. Chuẩn đầu ra về thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm (4):

PLO12. Có ý thức thượng tôn và chấp hành pháp luật; luôn đề cao tinh thần đổi mới sáng tạo; có ý thức bảo vệ công lý và tham gia phục vụ lợi ích của cộng đồng và xã hội;

PLO13. Có ý thức giữ gìn đạo đức tốt và trách nhiệm cao đối với hoạt động nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật tốt;



PLO14. Có đủ sức khỏe để làm việc; có khả năng tư duy độc lập; có tinh thần sẵn sàng đối diện thách thức và chịu áp lực trong các môi trường làm việc khác nhau;

PLO15. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân khi giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Trình độ đại học hình thức chính quy ngành Quản trị kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 617/QĐ-ĐHL ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

Trình độ giáo dục, đào tạo	: Đại học;
Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	: Kinh doanh và quản lý;
Nhóm ngành giáo dục, đào tạo	: Kinh doanh;
Ngành và mã số ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh; mã ngành: 7340101;
Tên chương trình đào tạo	: Chương trình đào tạo chất lượng cao;
Hình thức đào tạo	: Chính quy.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu đào tạo đội ngũ cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, có đạo đức, tri thức nghề nghiệp vững vàng; có kỹ năng thực hành thành thạo trong lĩnh vực kinh tế và quản trị doanh nghiệp; có trình độ tiếng Anh tốt để từng bước tham gia thị trường lao động toàn cầu, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sẽ trang bị cho người học với các mục tiêu cụ thể (Program Objective - viết tắt là **PO**) như sau:

PO1 (kiến thức). Có kiến thức cơ bản và nâng cao về lĩnh vực quản trị kinh doanh; có trình độ tiếng Anh tốt để tiếp tục học tập, nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp ở trình độ cao hơn trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý;

PO2 (kiến thức). Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề và ra quyết định trong lĩnh vực hoạt động quản trị doanh nghiệp, kinh doanh;

PO3 (kỹ năng). Có kỹ năng mềm, tư duy phản biện và sự chuyên nghiệp khi làm việc độc lập và làm việc nhóm;

PO4 (kỹ năng). Có khả năng vận dụng thành thạo các công cụ kinh tế vào việc xây dựng chiến lược kinh doanh và điều hành các hoạt động kinh doanh;

PO5 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có năng lực nghiên cứu, học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; có thái độ tích cực, cầu thị và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc;

PO6 (thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm). Có tinh thần thượng tôn pháp luật; có ý thức phục vụ cộng đồng.

2. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

2.1. Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh là **124 tín chỉ** (trong đó có 32 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 92 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), cộng với

3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

2.2. Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 (bốn) năm và được triển khai trong 8 (tám) học kỳ.

2.3. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức như sau:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	32
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
	a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	18
	b) Kiến thức ngành	64
	- Học phần bắt buộc	54
	+ Giảng bằng tiếng Việt	34
	+ Giảng bằng tiếng Anh	20
	- Học phần tự chọn	10
	+ Giảng bằng tiếng Việt	8/12
	+ Giảng bằng tiếng Anh	2/4
	c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy)	3
	d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn	7
	Cộng:	124

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh

3.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: **32 tín chỉ**, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Toán cao cấp	3	Khoa Quản trị
7.	Toán kinh tế	3	Khoa Quản trị
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Khoa Quản trị
9.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
10.	Tiếng Anh ((theo chương trình TOEIC quốc tế)	10	Phòng Đào tạo
11.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện)	3	Khoa Khoa học cơ bản
12.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện)	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	32	

3.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **92 tín chỉ**, trong đó:

a) Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành: 18 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Marketing căn bản	3	Khoa Quản trị
4.	Nguyên lý kế toán	3	Khoa Quản trị
5.	Kinh tế lượng	3	Khoa Quản trị
6.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Khoa Quản trị
Cộng:		18	

b) Kiến thức ngành: 64 tín chỉ, bao gồm:

(i) Học phần bắt buộc: 54 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: 34 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị chiến lược	3	Khoa Quản trị
3.	Quản trị tài chính	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị nhân sự	3	Khoa Quản trị
5.	Kế toán quản trị	2	Khoa Quản trị
6.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Khoa Quản trị
7.	Hệ thống thông tin quản lý	2	Khoa Quản trị
8.	Quản trị chất lượng	2	Khoa Quản trị
9.	Quản trị Marketing	3	Khoa Quản trị
10.	Quản trị sản xuất	3	Khoa Quản trị
11.	Quản trị dự án	2	Khoa Quản trị
12.	Luật Lao động	1	Khoa Luật Dân sự
13.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa Luật Thương mại
14.	Luật Thuế	2	Khoa Luật Thương mại
Cộng:		34	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: 20 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Sales Management (Quản lý bán hàng)	2	Khoa Quản trị
2.	Risk Management (Quản trị rủi ro)	2	Khoa Quản trị
3.	Public Relations (Quan hệ công chúng)	2	Khoa Quản trị
4.	Business statistics (Thống kê kinh doanh)	2	Khoa Quản trị
5.	Law of Contract (Luật hợp đồng)	2	Khoa Luật Thương mại
6.	Corporation Law (Luật công ty)	2	Khoa Luật Thương mại
7.	Public International Law (Công pháp quốc tế)	3	Khoa Luật Quốc tế
8.	International Trade Law (Luật thương mại quốc tế)	3	Khoa Luật Quốc tế
9.	Comparative Law (Luật so sánh)	2	Khoa Luật Quốc tế
Cộng:		20	

(ii) Học phần tự chọn: 10 tín chỉ:

❖ Giảng bằng tiếng Việt: chọn 8/12 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Khoa Quản trị
2.	Nghệ thuật lãnh đạo	2	Khoa Quản trị

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Văn hóa doanh nghiệp	2	Khoa Quản trị
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Khoa Quản trị
5.	Luật Chứng khoán	2	Khoa Thương mại
6.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	1	Khoa Luật Thương mại
7.	Giao dịch dân sự về nhà ở	1	Khoa Luật Dân sự
Cộng:		8/12	

❖ Giảng bằng tiếng Anh: chọn 2/4 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Brand management (Quản lý thương hiệu)	2	Khoa Quản trị
2.	Consumer behaviour (Hành vi người tiêu dùng)	2	Khoa Quản trị
Cộng:		2/4	

c) Kiến thức bổ trợ (ngoại khóa, không tính vào điểm trung bình tích lũy): 3 tín chỉ:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngoại khóa	3	TT Quản lý ĐT CLC
Cộng:		3	

d) Khóa luận tốt nghiệp; hoặc báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn: 7 tín chỉ, trong đó:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	7	Khoa Quản trị
2.	Hoặc Báo cáo thực tập cuối khóa và học, thi các học phần chuyên môn:		
	- Báo cáo thực tập cuối khóa	3	Khoa Quản trị
	- Thị trường chứng khoán	2	Khoa Quản trị
	- Thanh toán quốc tế	2	Khoa Quản trị
Cộng:		7	

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hình thức chính quy ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là **PLO**) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/ trách nhiệm như sau:

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (6):

PLO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị để tiếp thu kiến thức về khoa học kinh tế;

PLO2. Có kiến thức chuyên môn nền tảng và kiến thức nâng cao về khoa học quản trị và kinh tế; có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp;

PLO3. Phân tích có hiệu quả những nội dung cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; đánh giá và cải tiến để đạt được hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý;

PLO4. Hình thành ý tưởng kinh doanh, xây dựng các dự án khởi nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;

PLO5. Có kiến thức chuyên môn về kinh tế để nghiên cứu, so sánh, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến xây dựng chiến lược kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

PLO6. Có trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế tương đương bậc 4/6 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo về chương trình tin học văn phòng theo chuẩn quốc tế của Microsoft.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (5):

PLO7. Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh trong thực tiễn;

PLO8. Có năng lực ra quyết định trong các vấn đề quản trị, kinh doanh;

PLO9. Có kỹ năng giao tiếp; có kỹ năng xây dựng mối quan hệ trong công việc và kỹ năng làm việc nhóm;

PLO10. Có năng lực lĩnh hội nhanh các nội dung nâng cao thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý hoạt động kinh doanh;

PLO11. Có khả năng tự tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng tự cập nhật kiến thức mới.

4.3. Chuẩn đầu ra về thái độ/ mức tự chủ và trách nhiệm (4):

PLO12. Có ý thức thượng tôn và chấp hành pháp luật; luôn đề cao tinh thần đổi mới sáng tạo; có ý thức tham gia phục vụ lợi ích của cộng đồng và xã hội;

PLO13. Có ý thức giữ gìn đạo đức tốt và trách nhiệm cao đối với hoạt động nghề nghiệp;

PLO14. Có đủ sức khỏe để làm việc; có khả năng tư duy độc lập; có tinh thần sẵn sàng thích nghi, chịu áp lực trong các môi trường làm việc khác nhau;

PLO15. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có năng lực đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân khi giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.



Trần Hoàng Hải